TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 2283/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 07/7/2023
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hương

2. Bà Nguyễn Thị Lượng

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trương Thị Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa*:**

Bà Trịnh Thị Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 07/7/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 2371/2022/TLST–HNGĐ ngày 12/10/2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3397/2023/QĐXXST -HNGĐ ngày 20/6/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đào Thị L, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Mai Văn Q, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Đào Thị L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Mai Văn Q tự nguyện đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 16 do Ủy ban nhân dân xã Liên Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 26/02/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng bà sống chung với chị gái của chồng tại khu phố 2, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, trong thời gian sống chung thì vợ chồng xảy ra mẫu thuẫn thường xuyên, chồng thường chửi bới, đánh đập bà. Năm 2004 vợ chồng bà ra ở riêng và ở tại địa chỉ 17/6D đường 52, tổ 49, khu phố 8, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh từ đó cho đến nay. Trong thời gian chung sống, bà đã chịu nhiều áp lực từ chồng, nguyên nhân chồng gia trưởng luôn bắt bà phải nghe theo những gì ông nói, thường xuyên xúc phạm, chửi bới và xem thường bà và bà đã bị chồng đuổi ra khỏi nhà từ tháng 3/2022,

chúng tôi đã ly thân từ đó đến nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với ông Mai Văn Q.

- Về con chung: Có 02 con chung

01/ Mai Đào Quyền A(Nam), sinh ngày: 27/11/2003 – Đã trưởng thành

02/ Mai Đào Nam K (Nam), sinh ngày: 16/03/2010

Sau ly hôn, tôi tự nguyện đồng ý giao con cho ông Mai Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên

- Về cấp dưỡng: Tôi không cấp dưỡng nuôi con chung

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu nội dung khởi kiện ly hôn với ông Q. Đồng thời, xác nhận ngoài các chứng cứ giao nộp cho Toà án, tại phiên tòa bà không bổ sung tài liệu, chứng cứ nào khác, các thủ tục về việc giao nhận tài liệu, chứng cứ cho bị đơn, nguyên đơn đã thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

- Đối với bị đơn ông Q đã được Toà án tiến hành các thủ tục tố tụng hợp lệ từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng, không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án, cũng không có ý kiến nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án chưa đảm bảo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án tiến hành các thủ tục hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do, đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào kết quả xác minh về tình trạng cư trú của công an phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức thì ông Mai Văn Q có hộ khẩu thường trú và hiện thực tế cư trú tại địa chỉ: 17/6D đường 52, tổ 49, khu phố 8, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, nên theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức;

- Bị đơn đã được toà án tiến hành các thủ tục tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn;

2. Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn, hội đồng xét xử nhận thấy.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông Q tự nguyện đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 16 do Ủy ban nhân dân xã Liên Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 26/02/2003. Căn cứ Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa ông, bà là hôn nhân hợp pháp.

Nhận thấy, theo trình bày của nguyên đơn tại bản tự khai, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì bà L và ông Q kết hôn tự nguyện, quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn không thể giải quyết được, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hòa giải được, thường cãi vả, đánh nhau. Bà L xác nhận ngoài các chứng cứ giao nộp cho Toà án, không bổ sung tài liệu, chứng cứ nào khác, bà cho rằng ông Q cũng biết sự việc bà yêu cầu ly hôn nhưng không hợp tác. Tại phiên tòa, bà L trình bày nguyên nhân chính của việc bà yêu cầu ly hôn là do ông Q gia trưởng, thường xuyên chửi, đánh bà, hai bên gia đình biết sự việc cũng đã khuyên đoàn tụ gia đình vì con và bà đã khởi kiện ly hôn 01 lần trước đó nhưng bà đã tha thứ, bỏ qua vì các con, nhưng ông Q cũng không có sự thay đổi. Tòa án đã tiến hành hòa giải, hàn gắn, đoàn tụ gia đình nhưng bà L xác định hiện tình cảm vợ chồng đã không còn, đã sống ly thân, không thể đoàn tụ được nên bà kiên quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn, đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.Đối với bị đơn, Tòa án tiến hành triệu tập nhiều lần theo quy định pháp luật để tham gia phiên tòa nhưng ông Q vắng mặt không có lý do, cũng không có bất cứ văn bản ghi nhận ý kiến nào khác gửi cho Tòa án đối với yêu cầu ly hôn của bà L, điều này cho thấy ông Q cũng không còn sự quan tâm, không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân với bà L;

Xét, vợ chồng thì phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình, vợ chồng thì phải chung sống cùng nhau, có tình nghĩa vợ chồng nhưng theo những gì bà L trình bày cho thấy quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông Q hiện tại đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đương sự xác nhận hiện đã sống ly thân, mâu thuẫn không thể giải quyết, tình nghĩa vợ chồng không còn nên mục đích hôn nhân cũng không thể đạt được. Từ những nhận định trên và căn cứ vào lời đề nghị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận;

2.2. Về con chung: Căn cứ vào lời trình bày của đương sự cũng như giấy khai sinh, tài liệu, chứng cứ do bà L cung cấp có cơ sở xác định con tên Mai Đào Quyền A (Nam), sinh ngày: 27/11/2003 – đã trưởng thành và Mai Đào Nam K(Nam), sinh ngày: 16/03/2010 là con chung của bà L và ông Q, bà L đồng ý giao con chung chưa thành niên cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện tại con chưa thành niên do ông Q trực tiếp nuôi dưỡng, có nơi cư trú ổn định, nguyện vọng của con chưa thành niên cũng mong muốn được ở cùng với ba là ông Q. Về cấp dưỡng bà L không cấp dưỡng nuôi con, Tòa án đã thông báo về kết quả phiên họp cho ông Q nhưng ông Q cũng không có ý kiến phản hồi. Xét, hiện bà L đang ở trọ, không có nơi ở ổn định, và căn cứ vào lời đề nghị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức nhằm đảm bảo quyền lợi cho con chưa thành niên ổn định cuộc sống, học tập. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật hôn

nhân và Gia đình năm 2014 giao con chung cho ông Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục

2.3. Về tài sản chung: Bà L xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, hội đồng xét xử không xem xét.

2.4. Về nợ chung: Bà L tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điểm a Khoản 1 Điều 238, Điều 264, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 19, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị L

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Đào Thị L và ông Mai Văn Q

1.2. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên tên Mai Đào Nam K (Nam), sinh ngày: 16/03/2010 cho ông Mai Văn Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục;

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về cấp dưỡng: Ghi nhận ý kiến của bà L không cấp dưỡng nuôi con.

1.4. Về tài sản chung: Đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, hội đồng xét xử không xem xét.

1.5 Về nợ chung: Đương sự tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đào Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0028848 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. Bà Đào Thị L đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**